

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 9 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Minh T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Chị **Khru Kim D**, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị D có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2010. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2011 đến nay do mâu thuẫn. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có một người con chung là Phạm Lộc N, sinh ngày 29/3/2011, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Khưu Kim D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị D.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Lộc N, sinh ngày 29/3/2011 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D được quyền thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị D, chị D đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T và chị D là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị D tự nguyện sống chung từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên anh T và chị D đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng anh T và chị D không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị D không đến, như vậy chị D đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh T và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị D.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do anh T cung cấp và lời khai của anh T thì anh T và chị D có một người con chung là Phạm Lộc N, sinh ngày 29/3/2011, hiện đang sống với anh T. Chị D đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của anh T nhưng chị D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T. Xét thấy cháu N sống chung với anh T từ khi ly thân cho đến nay và phát triển tốt, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N tại biên bản lấy ý kiến ngày 25/8/2020, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh T: Giao cháu Phạm Lộc N, sinh ngày 29/3/2011 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Khuru Kim D.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Lộc N, sinh ngày 29/3/2011 cho anh Phạm Minh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Khuru Kim D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phạm Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009416 ngày 12/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Chị Khuru Kim D không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên Ly